

Số: 437C/VD-KD
V/v yêu cầu báo giá hóa chất,
vật tư tiêu hao

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu cung cấp hóa chất, vật tư tiêu hao năm 2025-2027 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Khoa Dược, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, số điện thoại 024.38.253.531/số máy lẻ 5106 (liên hệ DS. Nguyễn Minh Phương).
- Bệnh viện tiếp nhận báo giá **đồng thời theo 2 hình thức**:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng 307, Tầng 3, nhà A3 - Khoa Dược, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức - Số 40 Tràng Thi, phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.
 - Nhận qua email: vietduchospitalmuasam@gmail.com (đơn vị cung cấp báo giá phải ghi rõ số hiệu văn bản Yêu cầu báo giá trong nội dung email).*(Lưu ý: Các đơn vị phải gửi báo giá đồng thời theo 2 hình thức nêu trên)*
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 12 tháng 8 năm 2025 đến trước 17h ngày 22 tháng 8 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 22 tháng 8 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục các mặt hàng yêu cầu báo giá chi tiết như Phụ lục 1 đính kèm.
- Thành phần hồ sơ báo giá:
 - Báo giá theo mẫu như Phụ lục 2 đính kèm;
 - Giấy đăng ký kinh doanh phù hợp với nội dung báo giá;
 - Tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa theo quy định của pháp luật;
 - Tài liệu chứng minh quy cách, đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa.
- Địa điểm cung cấp: tại Kho hóa chất, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức
- Thời gian giao hàng dự kiến: giao hàng thành nhiều đợt trong vòng 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Tạm ứng: Không áp dụng
 - Phương thức thanh toán: Qua ủy nhiệm chi của kho bạc Nhà nước, 90 ngày kể từ ngày bên bán cung cấp đầy đủ chứng từ thanh toán hợp lệ (Hóa đơn, các chứng từ khác theo quy định hiện hành của kho bạc nhà nước).

6. Các thông tin khác:

- Tổng giá trị của hàng hóa trong báo giá đã bao gồm chi phí bàn giao, hướng dẫn sử dụng, thuế VAT và các loại thuế khác theo quy định hiện hành.
- Điều kiện đảm bảo khác: Đảm bảo cung cấp hàng hóa, cam kết thực hiện được dịch vụ đổi trả nếu hàng hóa xảy ra các vấn đề liên quan đến chất lượng trong quá trình sử dụng khi bên mua có yêu cầu...

Rất mong nhận được sự tham gia của các hãng sản xuất, nhà cung cấp.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.



GIAM ĐOC

Đương Đức Hùng

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG YÊU CẦU BÁO GIÁ
(kèm theo Công văn số 437C/VD-KD ngày 12 tháng 8 năm 2025)

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Kháng thể xác định nhóm máu A (Anti A loại IgM)	Kháng thể xác định nhóm máu A (Anti A loại IgM) Hiệu giá $\geq 1:512$	ml	36480
2	Kháng thể xác định nhóm máu B (Anti B loại IgM)	Kháng thể xác định nhóm máu B (Anti B loại IgM) Hiệu giá $\geq 1:512$	ml	36480
3	Kháng thể xác định nhóm máu AB (Anti AB loại IgM)	Kháng thể xác định nhóm máu AB (Anti AB loại IgM) Hiệu giá $\geq 1:512$	ml	33430
4	Kháng thể xác định nhóm máu Rh (Anti D loại IgM)	Kháng thể xác định nhóm máu Rh (Anti D loại IgM) Hiệu giá $\geq 1:256$	ml	15100
5	Kháng thể xác định nhóm máu Rh (Anti D loại hỗn hợp IgG+IgM)	Kháng thể xác định nhóm máu Rh (Anti D loại hỗn hợp IgG+IgM) Hiệu giá $\geq 1:256$	ml	340
6	Anti Human Globulin (AHG)	Anti Human Globulin (AHG)	ml	60
7	Dung dịch rửa tay sát khuẩn thường quy Chlorhexidine Digluconate tối thiểu 2%, can 5L	Dung dịch rửa tay sát khuẩn thường quy Chlorhexidine Digluconate tối thiểu 2%, can 5L	Can	1218
8	Dung dịch sát khuẩn tay chứa cồn, chai 500ml	Dung dịch sát khuẩn tay chứa Ethanol tối thiểu 70%, Isopropanol và chất dưỡng ẩm, chai 500ml	Chai	576
9	Khăn ướt sát khuẩn cơ thể Chlorhexidine 2%	Khăn ướt sát khuẩn cơ thể Chlorhexidine 2%. Quy cách đóng gói: 10 - 20 cái/gói	Gói	17090
10	Dung dịch rửa tay sát khuẩn phẫu thuật Chlorhexidine Digluconate tối thiểu 4% (Can 5L)	Dung dịch rửa tay sát khuẩn phẫu thuật Chlorhexidine Digluconate tối thiểu 4%, can 5L	Can	1584
11	Dung dịch xịt khuẩn bề mặt	Dung dịch xịt khuẩn bề mặt	ml	806000
12	Viên khử khuẩn bề mặt	Thành phần: Sodium Dichlorosocyanurate tối thiểu 50% (kl/kl), hộp 100 viên	Viên	199500
13	Vòi Soda hấp phụ CO2 dùng trong y tế	Kích thước và hình dạng hạt phù hợp cho lượng khí lưu thông, sinh bụi thấp, thay đổi màu sắc vĩnh viễn Hiệu suất hấp thụ CO2 cao Không phản ứng với thuốc gây mê sinh chất có hại Không thay đổi nhiệt của dòng khí	Kg	12009
14	Cồn 70 độ	Cồn 70 độ	Lit	8750
15	Cồn tuyệt đối	Hàm lượng Ethanol $\geq 99,5\%$	Lit	5085
16	Gel siêu âm (Can 5L)	Gel siêu âm (Can 5L) kèm chai nhựa thể tích nhỏ để sử dụng khi làm siêu âm. Vỏ can mềm dễ chiết xuất ra chai nhựa nhỏ	Can	558
17	Dầu parafin ống 5ml	Dầu parafin tiệt trùng, ống 5ml	Ống	80000
18	Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết NS1Ag	Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết NS1Ag	Test	410
19	Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết IgG/IgM	Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết IgG/IgM	Test	330
20	Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết NS1Ag và IgG/IgM	Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết NS1Ag và IgG/IgM	Test	285

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
21	Test nhanh phát hiện kháng thể kháng virus HIV	Định tính kháng thể kháng HIV-1 và/hoặc HIV-2 trong huyết thanh hoặc huyết tương của người Dạng khay thử Độ nhạy 100%, độ đặc hiệu $\geq 99\%$	Test	72120
22	Hóa chất ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm Huyết thanh học	Hóa chất ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm Huyết thanh học Dạng lỏng Đánh giá ngoại kiểm được ≥ 1 thông số	ml	12
23	Hóa chất ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch	Hóa chất ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch Dạng đông khô Đánh giá ngoại kiểm được ≥ 51 thông số	ml	180
24	Hóa chất nội kiểm tra xét nghiệm miễn dịch mức 1	Hóa chất nội kiểm tra xét nghiệm miễn dịch mức 1 Dạng đông khô Đánh giá nội kiểm được ≥ 54 thông số	ml	360
25	Hóa chất nội kiểm tra xét nghiệm miễn dịch mức 2	Hóa chất nội kiểm tra xét nghiệm miễn dịch mức 2 Dạng đông khô Đánh giá nội kiểm được ≥ 54 thông số	ml	360
26	Hóa chất ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm Ammonia/Ethanol	Hóa chất ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm Ammonia/Ethanol Dạng lỏng Đánh giá ngoại kiểm 02 thông số: Ammonia và Ethanol	ml	60
27	Hóa chất ngoại kiểm tra HbA1c	Hóa chất ngoại kiểm tra HbA1c Dạng đông khô Đánh giá ngoại kiểm 02 thông số: HbA1c và Total Haemoglobin	ml	29
28	Hóa chất nội kiểm tra que thử nước tiểu mức bất thường	Hóa chất nội kiểm tra que thử nước tiểu mức bất thường Dạng lỏng Đánh giá nội kiểm được ≥ 13 thông số	ml	576
29	Hóa chất nội kiểm tra que thử nước tiểu mức bình thường	Hóa chất nội kiểm tra que thử nước tiểu mức bình thường	ml	288
30	Enzym DNA Polymerase	Gồm Enzym DNA Polymerase và dung dịch đệm	Phản ứng	80000
31	Hóa chất ly trích tế bào lympho B bằng hạt bead	Hóa chất ly trích tế bào lympho B bằng hạt bead	Test	500
32	Hóa chất ly trích tế bào lympho T bằng hạt bead	Hóa chất ly trích tế bào lympho T bằng hạt bead	Test	500
33	Bộ định tuýp DNA allen HLA cho locus A, B, DR, DQ lớp 1 và 2	Bộ định tuýp DNA allen HLA cho locus A, B, DR, DQ lớp 1 và 2	Test	1200
34	Bộ kit xác định kháng thể kháng HLA đặc hiệu trong huyết thanh	Bộ kit xác định kháng thể kháng HLA đặc hiệu trong huyết thanh	Test	1000
35	Thạch Agarose dạng bột	Thạch Agarose dạng bột	gam	2000
36	Bộ kit xét nghiệm định type HLA lớp 1 locus C	Bộ kit xét nghiệm định type HLA lớp 1 locus C	Test	500
37	Dung dịch đệm PBS Buffer 10X, pH 7.4	Dung dịch đệm PBS Buffer 10X, pH 7.4 (chai 500ml)	Chai	40
38	Dung dịch phân tách tế bào	Dung dịch phân tách tế bào có nhân từ máu ngoại vi, tỷ trọng tối thiểu 1.077g/ml	ml	1500
39	Keo gắn lamen	Keo gắn lamen	ml	20000
40	Dung dịch pha loãng kháng thể	Dung dịch dùng pha loãng kháng thể trong nhuộm hóa mô miễn dịch	Lít	8
41	Kháng thể CD10	Kháng thể CD10 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
42	Kháng thể CD19	Kháng thể CD19 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
43	Kháng thể CD38	Kháng thể CD38 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
44	Kháng thể Cytokeratin 14	Kháng thể Cytokeratin 14 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
45	Kháng thể Cytokeratin 8 & 18	Kháng thể Cytokeratin 8 & 18 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
46	Kháng thể ERG	Kháng thể ERG chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
47	Kháng thể FSH	Kháng thể FSH chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
48	Kháng thể GH	Kháng thể GH chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
49	Kháng thể Prolactin	Kháng thể Prolactin chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
50	Kháng thể Galectin-3	Kháng thể Galectin-3 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
51	Kháng thể Glucagon	Kháng thể Glucagon chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
52	Kháng thể Glypican-3	Kháng thể Glypican-3 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
53	Kháng thể Hepatocyte	Kháng thể Hepatocyte chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
54	Kháng thể Her2	Kháng thể Her2 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
55	Kháng thể Mart-1	Kháng thể Mart-1 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
56	Kháng thể P16	Kháng thể P16 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
57	Kháng thể Parvovirus	Kháng thể Parvovirus chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
58	Kháng thể PSAP	Kháng thể PSAP chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
59	Kháng thể STAT6	Kháng thể STAT6 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
60	Kháng thể SV40	Kháng thể SV40 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
61	Kháng thể TTF-1	Kháng thể TTF-1 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	3
62	Kháng thể Napsin A	Kháng thể Napsin A chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	2
63	Kháng thể Androgen Receptor	Kháng thể Androgen Receptor chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
64	Kháng thể Cyclin D1	Kháng thể Cyclin D1 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
65	Kháng thể ATRX	Kháng thể ATRX chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
66	Kháng thể BCL-2	Kháng thể BCL-2 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
67	Kháng thể BCL-6	Kháng thể BCL-6 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
68	Kháng thể Beta-Catenin	Kháng thể Beta-Catenin chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
69	Kháng thể Caldesmon	Kháng thể Caldesmon chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
70	Kháng thể Calponin	Kháng thể Calponin chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
71	Kháng thể Calretinin	Kháng thể Calretinin chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
72	Kháng thể CD15	Kháng thể CD15 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
73	Kháng thể CD20	Kháng thể CD20 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
74	Kháng thể CD21	Kháng thể CD21 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
75	Kháng thể CD23	Kháng thể CD23 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
76	Kháng thể CD3	Kháng thể CD3 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
77	Kháng thể CD30	Kháng thể CD30 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
78	Kháng thể CD34	Kháng thể CD34 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
79	Kháng thể CD44	Kháng thể CD44 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
80	Kháng thể CD45	Kháng thể CD45 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
81	Kháng thể CD5	Kháng thể CD5 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
82	Kháng thể CD56	Kháng thể CD56 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
83	Kháng thể CD68	Kháng thể CD68 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
84	Kháng thể CD7	Kháng thể CD7 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
85	Kháng thể CD79a	Kháng thể CD79a chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
86	Kháng thể CDK4	Kháng thể CDK4 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
87	Kháng thể CDX2	Kháng thể CDX2 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	2
88	Kháng thể Cytokeratin 19	Kháng thể Cytokeratin 19 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
89	Kháng thể Cytokeratin 20	Kháng thể Cytokeratin 20 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
90	Kháng thể Cytokeratin 5 & 6	Kháng thể Cytokeratin 5 & 6 chuột hoặc thỏ	ml	1
91	Kháng thể Cytokeratin 7	Kháng thể Cytokeratin 7 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
92	Kháng thể Cytokeratin AE1 & AE3	Kháng thể Cytokeratin AE1 & AE3 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
93	Kháng thể E-Cadherin	Kháng thể E-Cadherin chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
94	Kháng thể EMA	Kháng thể EMA chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
95	Kháng thể Epstein Barr Virus	Kháng thể Epstein Barr Virus chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
96	Kháng thể FOXL2	Kháng thể FOXL2 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
97	Kháng thể HHV-8	Kháng thể HHV-8 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
98	Kháng thể IDH1	Kháng thể IDH1 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	3
99	Kháng thể INI-1	Kháng thể INI-1 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
100	Kháng thể Ki-67	Kháng thể Ki-67 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	5
101	Kháng thể MDM2	Kháng thể MDM2 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
102	Kháng thể MLH1	Kháng thể MLH1 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
103	Kháng thể MSH2	Kháng thể MSH2 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
104	Kháng thể MSH6	Kháng thể MSH6 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
105	Kháng thể MUC2	Kháng thể MUC2 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
106	Kháng thể MUC5AC	Kháng thể MUC5AC chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
107	Kháng thể MUM1	Kháng thể MUM1 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	2
108	Kháng thể NeuN	Kháng thể NeuN chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	2
109	Kháng thể OLIG2	Kháng thể OLIG2 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	3
110	Kháng thể P40	Kháng thể P40 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
111	Kháng thể P53	Kháng thể P53 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	2
112	Kháng thể P63	Kháng thể P63 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
113	Kháng thể PAX-8	Kháng thể PAX-8 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	2
114	Kháng thể Progesterone Receptor	Kháng thể Progesterone Receptor chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
115	Kháng thể SF-1	Kháng thể SF-1 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
116	Kháng thể SOX-10	Kháng thể SOX-10 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
117	Kháng thể SOX-11	Kháng thể SOX-11 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
118	Kháng thể SOX-9	Kháng thể SOX-9 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
119	Kháng thể Vimentin	Kháng thể Vimentin chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
120	Kháng thể ACTH	Kháng thể ACTH chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
121	Kháng thể CA19-9	Kháng thể CA19-9 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
122	Kháng thể CD117	Kháng thể CD117 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
123	Kháng thể CD163	Kháng thể CD163 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
124	Kháng thể CD99	Kháng thể CD99 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
125	Kháng thể Chromogranin A	Kháng thể Chromogranin A chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
126	Kháng thể Collagen Type IV	Kháng thể Collagen Type IV chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
127	Kháng thể Claudin-1	Kháng thể Claudin-1 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
128	Kháng thể Cytokeratin β 34	Kháng thể Cytokeratin β 34 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
129	Kháng thể D2-40	Kháng thể D2-40 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
130	Kháng thể Gastrin	Kháng thể Gastrin chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
131	Kháng thể GLUT1	Kháng thể GLUT1 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
132	Kháng thể IgG4	Kháng thể IgG4 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
133	Kháng thể LH	Kháng thể LH chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
134	Kháng thể MUC1	Kháng thể MUC1 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
135	Kháng thể MUC4	Kháng thể MUC4 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
136	Kháng thể Myogenin	Kháng thể Myogenin chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
137	Kháng thể SALL4	Kháng thể SALL4 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
138	Kháng thể SATB2	Kháng thể SATB2 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
139	Kháng thể H3K27Me3	Kháng thể H3K27Me3 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
140	Kháng thể GATA-3	Kháng thể GATA-3 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
141	Kháng thể H3K27M	Kháng thể H3K27M chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	μ l	100
142	Kháng thể H3G34	Kháng thể H3G34 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	μ l	100
143	Kháng thể BCOR	Kháng thể BCOR chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
144	Kháng thể CIC	Kháng thể CIC chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	μ l	100
145	Kháng thể DUX4	Kháng thể DUX4 chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	μ l	100
146	Kháng thể Synaptophysin	Kháng thể Synaptophysin chuột hoặc thỏ, dạng đậm đặc	ml	1
147	Dầu soi kính hiển vi	Dầu soi kính hiển vi	ml	4000
148	Thuốc nhuộm Brilliant Cresyl Blue	Thuốc nhuộm Brilliant Cresyl Blue	ml	200
149	Thuốc nhuộm Eosine Y 0,5%	Thuốc nhuộm Eosine Y 0,5% mã màu 45380	ml	1000
150	Propanol	Propanol dùng cho xét nghiệm sinh học phân tử	ml	5000
151	Natri citrat	Natri citrat	gam	4000
152	Thuốc nhuộm xanh methylen	Thuốc nhuộm xanh methylen	gam	50
153	Thuốc nhuộm tím Gentian	Thuốc nhuộm tím Gentian	gam	50
154	Test dùng cho xét nghiệm HIT (Heparin Induced Thrombocytopenia) - IgG	Test dùng cho xét nghiệm HIT (Heparin Induced Thrombocytopenia) - IgG	Test	50
155	Dung dịch liệt tim, bảo quản tạng	Dung dịch liệt tim, bảo quản tạng	Lít	3696

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
156	Dung dịch bảo quản phổi	- Dung dịch điện giải ngoại bào có chứa Dextran 40, có sẵn đệm THAM chất bổ sung ion canxi CaCl₂ chỉ định để rửa, bảo quản lạnh và vận chuyển phổi đã tách riêng sau khi lấy từ người hiến tặng - Độ pH ổn định từ 7.1-7.6 - Cho phép bảo quản phổi an toàn lên đến 12 tiếng, được đưa vào hướng dẫn của Hiệp hội quốc tế về ghép tim và phổi (ISHLT) và dịch vụ y tế quốc gia Anh quốc (NHS) dành cho bảo quản phổi. - Thể tích: 1000ml	Túi	100
157	Dung dịch rửa quả lọc thận	Dung dịch rửa quả lọc thận: thành phần Peracetic acid	Lít	800
158	Muối tinh dạng viên	Muối tinh dạng viên	Kg	8100
159	Nắp đóng bộ chuyển tiếp	Nắp đóng bộ chuyển tiếp	Cái	83000

Tổng số: 159 khoản 

PHỤ LỤC 2 - MẪU BÁO GIÁ
(kèm Công văn số 457C /VĐ-KD ngày 12 tháng 8 năm 2025)

Kính gửi: BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, Chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các mặt hàng hóa chất, vật tư tiêu hao như sau:

1. Báo giá cho các mặt hàng hóa chất, vật tư tiêu hao và dịch vụ liên quan:

STT	STT theo Yêu cầu báo giá	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng	Đơn giá (chưa bao gồm thuế VAT)	Thuế suất (%)	Đơn giá (đã bao gồm thuế VAT)
1													
2													
n	...												

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ...[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các mặt hàng nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

4. Thông tin của người phụ trách làm báo giá [ghi cụ thể tên và số điện thoại liên hệ].

..., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

1